

TRUYỀN BÀ

TUẦN BÁO CỦA TUỔI TRẺ RA NGÀY THỨ NĂM



DEPUT. (H. H.)
Nº 21785

CÁI ĐÔNG HỒ

Số 95

Truyện của HỮU-MAI

19-8-43

Mỗi số 0,20 — 3 tháng 2,50 — 6 tháng 5,5 — cả năm 10,5
Mỗi số gửi Đ. VŨ BÌNH LONG chủ nhà xuất bản TÂN ĐÃN Hanoi

TRUYỀN BÁ

- 85 — Nguyễn Xi của Nguyễn Đình-Tư
- 86 — Người mẹ của Mạnh Phú-Tư
- 87 — Tiểu anh hùng của Ngọc Giao
- 88 — Trời phạt của Đào-Thiệu
- 89 — Ngoại-ô Saigon của Đoàn-Nghi
- 90 — Ba cái lá của Tấn-Kiểm
- 91 — Ông Hoàng Khỉ Lê Công-Thành kể
- 92 — Rừng của Thâm-Tâm
- 93 — Thư Lý-Lý của Ngọc-Giao
- 94 — Thằng Nhỏ của Tô Hoài

Số 96 ra ngày 26-8-43

MƯU CHÚ CÁO

Các bạn đọc Truyền-Bá tất đã nhận thấy ở Phạm-Bá-Đại một cái tài kể những chuyện của rừng xanh. Phạm-Bá-Đại đã từng kể cho ta nghe những truyện phiêu lưu mạo hiểm mà những nhân vật chính là những cậu bé anh hùng ở những chốn hoang vu mọi rợ. Nhưng có lẽ không mấy ai biết rằng Phạm-Bá-Đại lại còn biết rõ chim muông ở những nơi đó như bàn tay của mình. Những con hổ, con báo, con rắn, con công là bạn của Phạm-Bá-Đại. Phạm-Bá-Đại biết rõ phong tục tính tình của chúng như ta biết tính tình phong tục của con chó con mèo vậy. Dựa vào cái chỗ biết đó, kỳ sau Phạm-Bá-Đại giới thiệu với bạn đọc một người bạn đồng chồn tên Cáo trong truyện

MƯU CHÚ CÁO

Trong Truyền Bá số 96 ra ngày 26 Août 1943. Các bạn sẽ thấy hết tất cả đời sống và trí thông minh của loài đó trong truyện này. Ta có thể bảo đó là một truyện vui, một bài luân lý mà cả là truyện khoa học nữa.

Autorisé (publication créée antérieurement à la loi du 13 Décembre 1940)

Imp. Tân-Dân Banoi — Tirage ex. — Le Gérant : Vũ Đình-Long

CÁI ĐỒNG HỒ

DÊM hôm ấy là một đêm cuối tháng. Trời tối đặc. Không một ngôi sao. Thỉnh thoảng, gió lạnh thổi vi vút. Những cụm tre uốn theo chiều gió, cọ xát vào nhau kêu ken-két. Mọi người buốt lạnh, chỉ muốn vùi kín dưới lớp chăn, lớp chiếu. Đường, cái vắng tanh. Các gia đình tắt sớm ánh sáng. Họ ngủ rất sớm. Nên rất sớm giấc ngủ đã tạm biệt nhiều người. Nhưng rét lắm ! Họ chưa thể rời chỗ nằm, đứng dậy, lợi dụng thời giờ của họ được. Nhưng chẳng nhẽ, dưới một mái nhà hợp bao sinh mệnh, mà mọi người đều chịu lặng lẽ chờ sáng đến ru ! Họ phải tìm cách giết thì giờ chứ ! Họ chuyện trò : việc cá nhân, việc gia đình, việc xã-hội đều được lần lượt nhắc đến. Mà nhất là ở các gia đình có phụ-huynh trí-thức, thì câu chuyện lắm khi bồ ích cho đường học vấn, đạo tu-thân của con em rất nhiều.

Chính đêm hôm ấy, gia-đình Hưng cũng dậy sớm,

mà người dậy sớm thứ nhất chính là Hưng đã khua động cả nhà dậy.

Bởi lúc Hưng dậy, Hưng làm biếng, không đánh riêm xem đồng hồ, để được biết thời gian đã trôi đến đâu, nhưng Hưng biết còn sớm lắm. Yên-lặng nằm, Hưng định tâm không làm rối giấc ngủ của một ai. Song le, chẳng hiểu tại sao, Hưng buột miệng véo-von hát :

Cục cu cù ! Cục cu cù !

Ai ơi tỉnh dậy, dậy mau đi nào !

Vùng hồng đã sắp lên cao

Màn đêm xé rách, ám mờ rã tan.

Anh vàng rãi khắp trần gian

Biếng lười đâu nhẽ yên nằm được ru !

Cục cu cù ! Cục cu cù !

Nhà nông hãy dậy rong trâu ra đồng

Cục cu cù ! Cục cu cù !

Trò em hãy dậy, lo toan sách đèn

Cục cu cù ! Cục cu cù !

Nhà buôn hãy dậy đưa chen thương trường

Cục cu cù ! Cục cu cù !

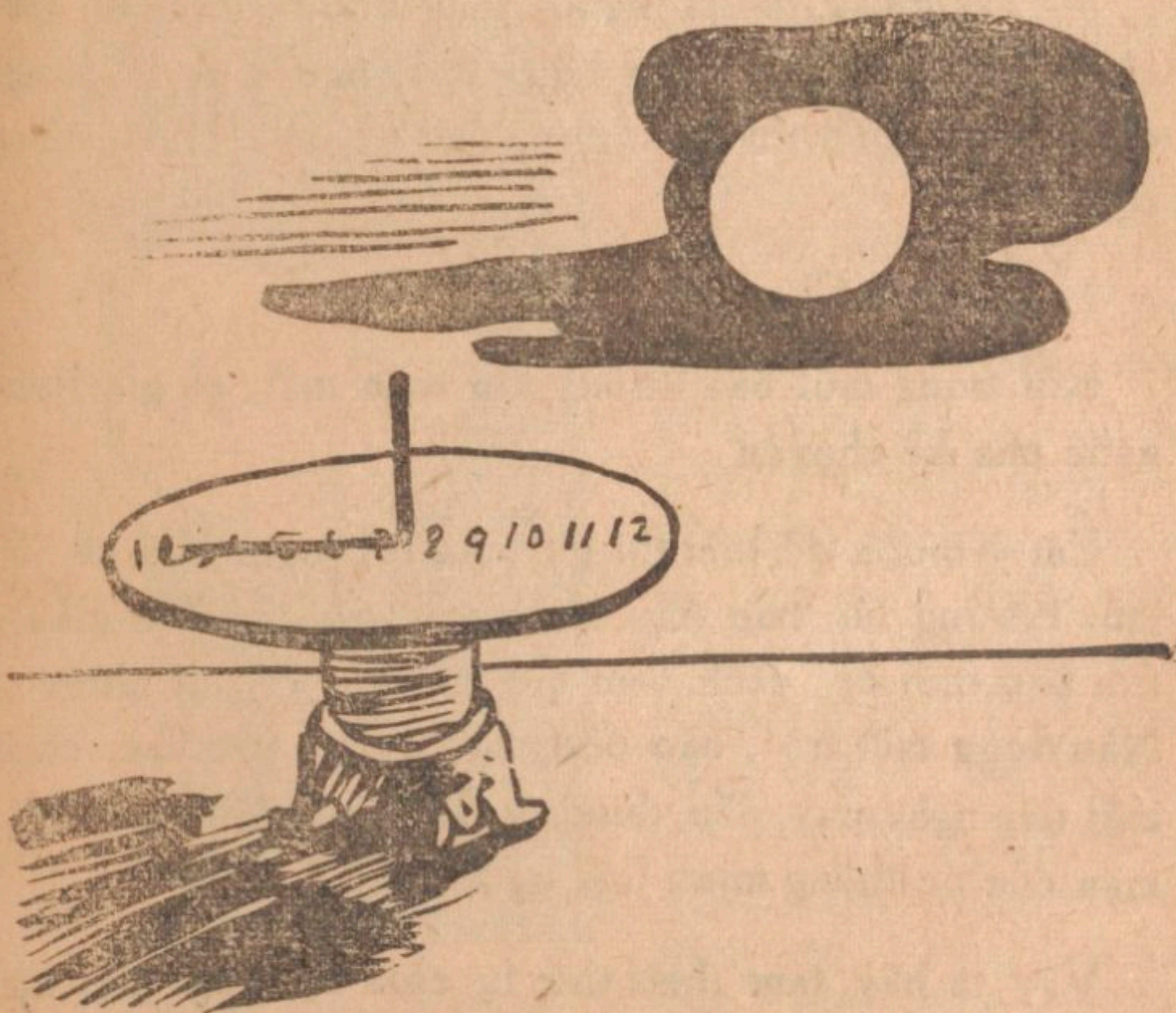
7 hợ thuyền hãy dậy lao công kịp thời

Tiếng hát của Hưng đập mạnh vào lá-nhĩ của mọi người, khiến họ lần lượt mở bừng mắt dậy. Rồi tiếng

nói, tiếng cười, tiếng hát, tiếp tục nhau cùng nổi dậy, mà nhất là tiếng hát, bởi các em Hưng giục chị hát, để chúng đồng thanh cùng hát theo.

Khi các em đã nhiều lần hát đi hát lại bài hát trên, cha hỏi chúng một vài ý nghĩa, của bài hát đều được chúng đáp trôi chảy. Cha lấy làm vui thích lắm !

Nhân lại nghe tiếng gà gáy dội vang, cha giục Hưng dậy xem giờ. Ah sáng đèn khuya bóng tối. Hưng lễ phép nói :



Trắc ảnh : đồng hồ đời thái cổ.

— Thưa cậu, bốn giờ sáng rồi ạ !

— Còn sớm lắm, cha tiếp theo :

— Nhưng, — mẹ cướp lời—nếu không có đồng hồ thì chẳng biết giờ giấc ra sao cả. Thật cái đồng hồ là một vật rất quý hóa, muốn hỏi giờ lúc nào cũng được trả lời miễn nguyện. Cái người nào đã sáng chế ra nó, thật là một đại-ân nhân của nhân-loại.

Nghe mẹ nói đến đấy, Hưng hỏi ngay cha :

— Thưa cậu, ai là người sáng chế ra đồng hồ hở cậu ? Mà trước khi đồng hồ ra đời, người ta đã dùng cách gì mà biết thì giờ được, cậu kể cho chúng con nghe.

— Được ! Cha đáp.

Rồi trong một bầu không khí thân mật, cả gia đình nghe cha kể chuyện.

Cái ý-muốn để biết thì giờ của loài người đã có từ lâu. Nhưng lúc ban đầu cách xem giờ còn đơn giản, trải bao thời kỳ, cách xem giờ đã thay đổi đi nhiều. Nào dùng mặt trời, nào dùng sức nước, sức lửa, cho mãi đến ngày nay đến dùng cơ-khí, một kết quả mỹ-mãn của óc thông minh loài người.

Vậy ta hãy tạm theo thứ tự chia ra từng thời kỳ nói cách xem giờ của nhân-loại để các con nghe.

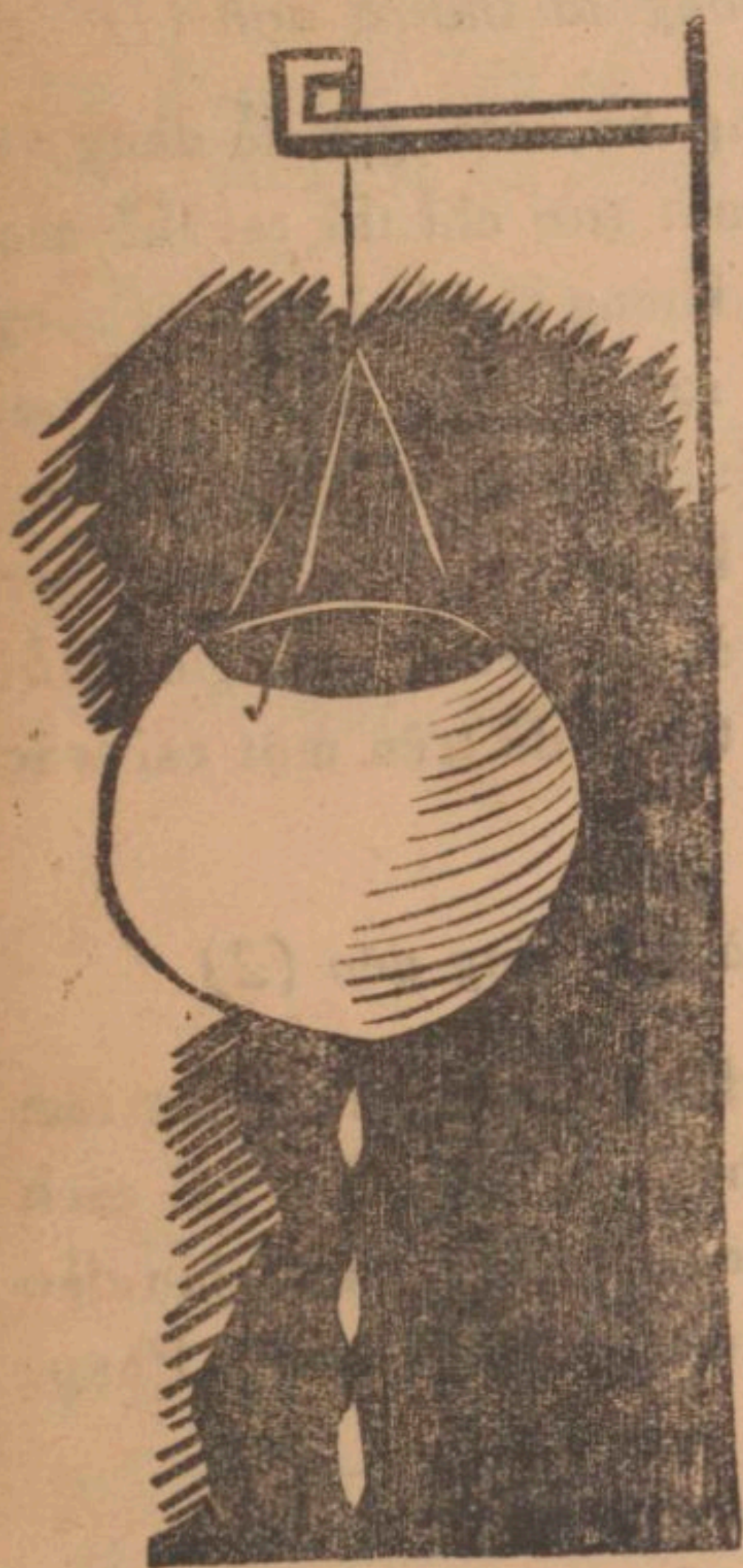
1) THỜI KỲ THỨ NHẤT

Xem giờ bằng mặt trời

DỒI thái cổ, người ta chỉ biết lúc mặt trời mọc là buổi sáng ; lúc mặt trời đứng đỉnh đầu là giữa trưa ; lúc mặt trời lặn là hết ngày, còn ban đêm thì trông vào ánh trăng, cùng tiếng gà gáy để biết các độ

của thời gian. Nhưng rồi người ta muốn biết hơn nữa. Người ta lợi dụng mặt trời. Một cái que cắm xuống đất. Ngày càng tiến, bóng cái que cũng đổi chỗ quay xung quanh nó. Do đó cái *trắc ảnh* ra đời. Trắc ảnh có nhiều thứ. Có thứ hình vuông, hình chữ nhật, có thứ hình chóp nón, có thứ hình tròn. Thứ nào cũng có cắm một cái que. Bóng cái que theo chiều mặt trời in trên mặt trắc ảnh. Trên mặt ấy có kẻ đường và in chữ số hay những tên của mười hai chi :

Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi để chia ngày ra từng độ.



Đồng hồ gáo có lỗ để nước rỏ giọt.

Mỗi độ là một giờ. Từ từ bóng của cái que trở vào các độ ấy. Trông vào các độ ấy người ta biết được thời gian đã trôi đến đâu.

Trên các trắc ảnh thời cổ ở Âu-châu người ta thường viết :

Thước tôi ánh sáng, bóng là thước anh (1)

Cái trắc ảnh là thứ đồng hồ xem giờ dễ dàng và đúng hơn cả, vì giờ của mặt trời chỉ thì sai thế nào được, mà cách chế tạo lại không khó khăn gì, ai cũng có thể làm được, không sợ tốn kém, không sợ sai suyền, nhanh chậm như các thứ đồng hồ khác. Nhưng cái bất tiện của trắc ảnh là không chỉ được phút được giây. Gặp lúc không mặt trời thì hết sự biết giờ. Bởi đó, lại đã có một câu đố thi vị đề trên một cái trắc ảnh xưa :

Những giờ tôi chỉ là giờ lặng yên (2)

Bởi vậy trắc ảnh chỉ dùng vào những việc tầm thường. Nên treo dịp tiến hóa của nhân loại cái cách xem giờ cổ nhất của loài người cũng phải chịu đào thải. Song le, ngày nay ở xứ Bê-Ac (3) nước Pháp,

(1) « Me lumen, vos umbra regit ».

(2) Horas non numéro nisi serénas.

(3) Béarn

bọn chẵn cừu còn dùng thứ đồng hồ trắc ảnh hình trụ tròn bằng gỗ, để xem giờ cho đàn cừu đi ăn, hay sẵn chúng trở về.

Và ở một vài nhà lão nho ở nước ta, người ta thỉnh thoảng còn dùng một thứ trắc ảnh hình chữ nhật để xem giờ đám cưới hay cất nhà v. v. Chứ đem dùng trắc ảnh vào những việc, như cho tàu hỏa chạy chẳng hạn thì không thể nào được.

Dân tộc nào đã biết dùng trắc ảnh trước nhất ?

— Theo các nhà sử học Âu-châu từ người Ai-Cập về thời đại Kim-tự-tháp ngang với đời Hoàng-đế nước Tàu. (3000 năm trước Thiên-chúa) đã biết xem giờ bằng cái trắc ảnh.

THỜI KỲ THỨ HAI

Xem giờ bằng sức nước

DÙNG cái trắc ảnh để xem giờ, người ta gặp những cái không tiện như trên kia đã nói. Người ta phải tìm cái tiện lợi hơn. Người ta dùng đồng hồ nước. Người Tàu biết dùng đồng hồ nước vào khoảng năm 2679 trước Thiên-chúa, ngang thời-đại Hồng-bàng ở nước ta. Đồng hồ nước có nhiều thứ. Có thứ như cái gáo dưới tròn có lỗ thủng để, cho nước nhỏ

giọt. Người ta đổ nước đầy gáo, mỗi một lần gáo cạn, là một canh hay mấy giờ. Lại có khi dùng cái chậu, trong cắm một cái trụ nhỏ chia ra từng giờ, ở dưới tròn chậu cũng có lỗ. Chậu đựng đầy nước. Nước do lỗ thủng cạn dần đến đâu, là chỉ giờ đến đấy.

Người Ân-độ dùng một cái chậu đựng đầy nước trong chậu thả một chiếc tàu nhỏ, có khoan một lỗ thủng. Nước do lỗ thủng ấy vào dần dần. Trước tàu còn nổi, rồi nước càng vào, tàu từ từ chìm dần xuống đáy. Do đó người ta tính giờ.

Lại có thứ đồng hồ nước hình trống (1), gồm một cái khung trên có ghi các độ để tính giờ, và một cái trống ghép kín ở trong gồm có nhiều ngăn. Các ngăn ấy có lỗ thông với nhau. Người ta đổ nước vào ngăn trên. Trống có dây quấn vòng quanh buộc vào khung. Nước rỉ từ ngăn nọ đến ngăn kia, làm cho trống mất thăng bằng, có khuynh hướng tuột dần dần theo dọc cái khung. Người ta do đó tính giờ.

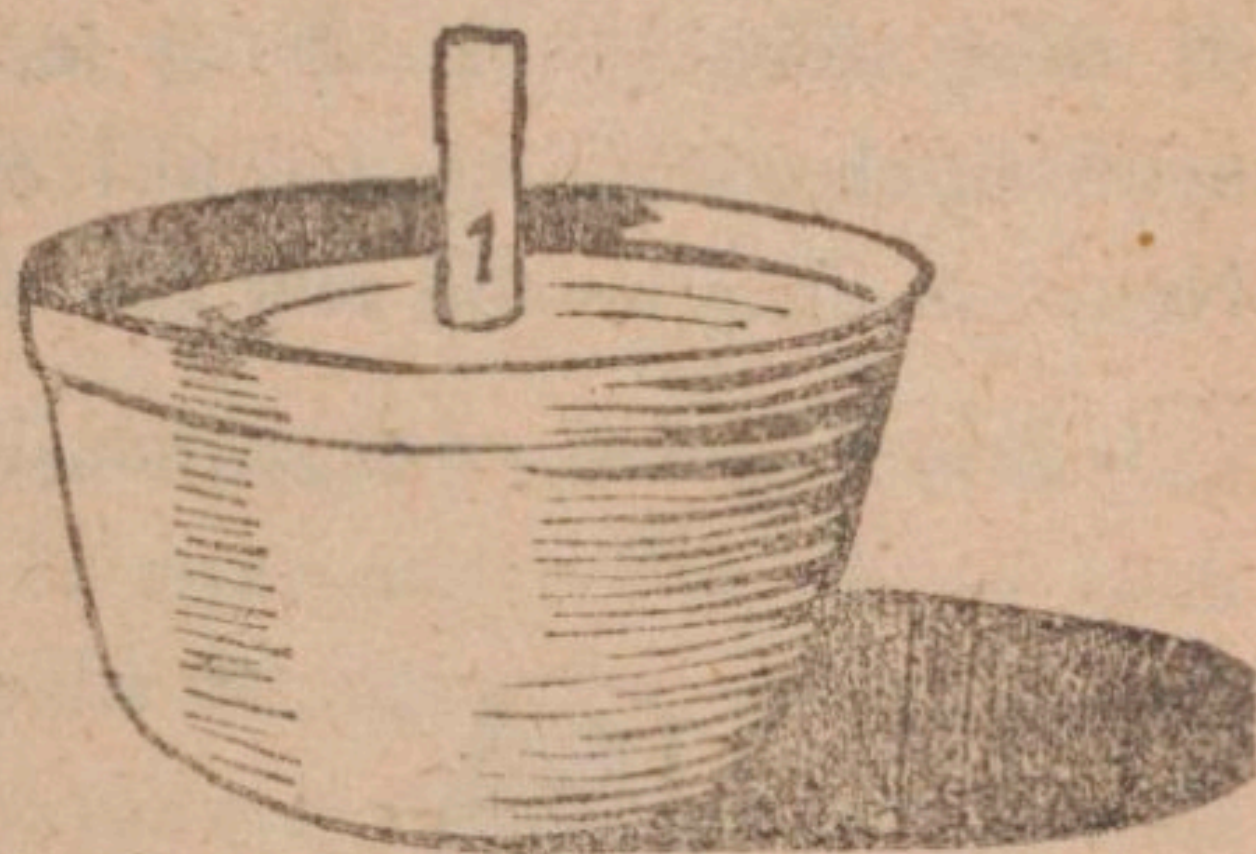
Lại theo sách tàu, người ta còn chế một con rồng có chỗ chứa nước thông ra miệng nó, rơi từng số giọt nước nhỏ ra mà tính giờ.

Nhưng trong các thứ đồng hồ nước, không có cái nào được người đương thời ca tụng và được nổi tiếng

(1) Clepsydre à tambour

bằng cái đồng hồ nước của vua Hạ-luân (1) tặng vua Sác-lờ-ma (2) (768-814).

Nguyên vua Hạ-luân là một ông vua nước I-rắc rất quý chuộng các nhà bác-học. Ông được họ chế cho một cái đồng hồ nước bằng đồng chuông nạm vàng, có kim chỉ giờ trên mặt. Mỗi một lúc kim chỉ đến giờ thì có những viên nhỏ bằng sắt rơi vào cái chuông để báo giờ. Đến trưa thì có mười hai người kỵ-mã đo mười hai cửa sổ bước ra, rồi các cửa lại tự đóng lại. Các cơ quan của nó đều chạy bằng nước. Vua Hạ-luân cho hai giáo-sỹ đưa đến tặng vua Sác-lờ-ma là một ông vua Đại-anh-hùng của Tây-Au ngang thì kỳ nước ta Bắc thuộc lần thứ ba.



Đồng hồ chậu.

Từ trên là nói dùng nước để xem giờ, nhưng ở đời Trung cổ người ta còn dùng cát để thay cho nước, nên lại có một thứ đồng hồ cát nữa. Đồng hồ cát gồm có hai bầu thủy tinh để chồng lên nhau có khung giữ ngoài. Trong một bầu đổ cát, cát từ từ chảy bầu trên xuống bầu dưới để chỉ những độ đường của thời-gian đã ghi sẵn.

(1) Haroun al Raschid

(2) Charlemagne.

THỜI KỲ THỨ BA

Xem giờ bằng lửa

DÙNG đồng hồ nước để xem giờ đã tiện lợi, biết được nhiều hơn là xem giờ bằng mặt trời. Nhưng người ta cũng thấy nó còn bất tiện, người ta đã dùng đồng hồ cát. Song le, óc thông minh loài người há chịu dừng lại đó ru ! Nó còn muốn đi xa nữa. Người ta dùng lửa để xem giờ.

Người Do-thái có một thứ đèn, gồm có một cái



Đồng hồ lâu

chỉ giờ, hễ lúc nào đốt, dầu cạn, mực dầu xuống đến đâu là chỉ giờ đến đó.

Người ta lại còn dùng một cái đèn trong thả một cái phao. Lúc đèn cháy dầu cạn, cái phao cũng theo mực dầu xuống. Nếu buộc vào cái phao một sợi dây mà đầu kia có cái kim, thì lúc phao xuống, phao sẽ làm cho cái kim quay. Bởi nguyên tắc ấy, ông Gabry có chế ra một thứ đèn để xem giờ.

Ông lấy hai cái bầu trồng lên nhau mà có lỗ giao thông. Ở quãng hai bầu dựng một miếng sắt có gạch chỉ giờ. Trong một bầu thả một ngọn đèn, trong bầu kia, thả một cái phao, buộc vào một đầu dây cuộn tròn xung quanh một cái trục và nối liền với cái miếng sắt. Khi dầu cạn, cái phao xuống, làm cho cái kim quay là nó chỉ giờ. Cái đèn ấy vừa để xem giờ vừa soi sáng.

Người Tàu dùng thứ gỗ tán nhỏ làm những cây hương hay vòng hương, các nhà giàu sang, các nhà quan thì dùng thứ gỗ quý, cây hương chỉ ngửi bằng ngón tay. Còn khi làm hương bằng gỗ xoàng, thì to bằng cái lông ngỗng, mà có khi dài đến hai ba tấc tây Người ta thường đem đốt cắm ở các cửa chùa để cho thiên hạ đến lấy lửa.

Ở trong nhà thì cây hương cắm vào một cái bát đồng dựng gio để cho thơm nhà và xem giờ một thể.

Bởi ở cây hương ấy người ta đã có vạch ra các độ tính giờ, mà lúc cháy nó không có ngọn lửa. Có khi người ta muốn dùng cây hương ấy để làm đồng hồ đánh thức thì đem buộc một hay hai hòn chì, hòn sắt vào chỗ mình muốn, lửa cháy đến đó làm đứt sợi dây, hòn chì rơi xuống bát đồng đánh « coong, coong » thế là người ngủ phải thức dậy.

Ở nước Pháp, vua Xanh-lu-y (1) và vua Sác-lơ-đệ-ngũ (2). Cũng có dùng cây nến vạch độ chỉ giờ, nến cháy đến đâu là biết giờ đến đấy.

Sau nữa, ở nước Ta và nước Tàu, các chòi canh, người ta còn dùng trống, mõ hay chuông, để báo giờ nữa. Lúc hoàng hôn đánh một hồi trống thu không. Rồi canh một đánh một tiếng, canh hai đánh hai tiếng, canh ba đánh ba tiếng, canh tư đánh bốn tiếng, canh năm đánh năm tiếng. Lúc rạng đông đánh một hồi dài trống tan canh.

Người nằm ngủ, lúc tỉnh dậy nghe tiếng trống cũng biết đêm đã đi đến đâu rồi.

Bởi đó ca dao hát rằng :

Canh một dọn cửa dọn nhà

Canh hai khâu vá, canh ba đi nằm

Canh tư bước sang canh năm

Khuyên chàng dậy học chớ nằm làm chi !

(1) Saint Louis

(2) Charles

THỜI KỲ THỨ TƯ

Đồng hồ bằng máy

Nhà bác học Déc-be (1), quê ở Ô-ri-ác nước Pháp, sau làm Giáo-hoàng (999-1003) hoàng-hiệu là Xyn-vét đệ nhị (2) ngang với thời đại nhà Tiền-Lê nước Ta là người đã sáng chế ra máy đồng hồ. Thế là người ta dùng cơ-khí thay cho vật lý. Đồng hồ máy a đời đã cách mệnh đời sống của người đời Trung-cổ nhiều lắm. Vì từ nay thời khắc đã chia rõ ràng, việc gì cũng phải đều đặn và đúng mực. Từ công việc làm đến đạo tu thân xử thế ai cũng tránh cái cầu thả, cái quá độ, để giữ cho có đức tin và điều độ. Mà nhất là tính Điều-độ, nên các tranh vẽ ở nhà thờ tiêu biểu cho tính điều-độ có vẽ kèm thêm cái đồng hồ. Các bậc danh-nhân cũng theo đuổi công cuộc phát minh của Giáo-hoàng để mong đi đến chỗ tuyệt-mỹ. Đến cả vua Sác-lơ-canh (3) cai trị cả nước Đức, nước Tây-ban-nha, nước Áo, nước Ý và bao nhiêu thuộc-địa, nuôi cái mộng-tưởng độ-hộ hoàn cầu, mà lúc bị thoái vị, cũng để tâm đến việc làm đồng hồ. Ông đã cùng nhà toán-học Jan-nờ-lút (4) làm cái đồng hồ ở nhà tu Xanh-Jút, để tự an ủi cái quá khứ

(1) Gerbert

(2) Sy vestre II

(3) Charles Quint

(4) Jannellus Turianus

chán nản bằng cách « đóng » giờ tương-lai cho đúng mực.

Những đồng hồ sản xuất có cái rất ích lợi, có cái thì hoàn toàn là đồ chơi. Người ta chế những cái đồng hồ ngoài việc chỉ giờ, còn chỉ các ngày trong tuần lễ, các ngày trong tháng, những tuần trăng, những lúc mặt trời mọc, những dấu hiệu của đường hoàng-dạo. Người ta thêm những hình bằng gỗ, bằng kim nó báo giờ trăm phương nghìn kể Ở thành Song nước Thụy-diễn, người ta thấy mỗi một giờ thì có hai người kysỹ ở đồng hồ bước ra, tùy theo số giờ bao nhiêu thì đánh nhau bấy nhiêu dùi.

Vua Hăng-ry đệ nhị nước Pháp (1547-1559) ngang đời Lê Trang-Tôn nước Ta, có cho xây ở biệt thự A-nê một cái đồng hồ, cứ mỗi giờ thì có một con nai bị đàn chó sói đuổi chạy ra dơ chân lên đánh giờ.

Cái đồng hồ nổi tiếng và phiền phức nhất đời Trung-cổ là cái đồng hồ ở tỉnh Tờ-rát bua (1) nước Pháp, xây từ năm 1352 đến năm 1842 trong 500 năm mới xong, nghĩa là từ đời Trần-dụ-Tôn đến Thiệu-trị năm thứ hai. Công trình xem cũng lâu nhưng thực nó đã phải hoàn toàn xây lại ba lần. Lần cuối cùng là lần ít phức tạp hơn hết.

(1) Strasbourg

Có bốn hình tiêu biểu bốn thời kỳ của một đời người cứ lần lượt mười lăm phút một ra đánh chuông Mười lăm phút đầu, một cậu bé con, tay cầm cái đồ chơ ra đánh chuông ; nửa giờ, một thiếu niên hiệp sỹ cầm giáo ra gõ chuông ; bốn năm phút, một chiến-sỹ ra lấy kiếm ghè vào chuông ; đúng sáu mươi phút, một lão già ra lấy gậy khua chuông. Lúc lão đã đi vào rồi, tử-thần hiện lên lấy cái xương nện vào chuông để báo giờ.

Phía trên đồng hồ có tượng đức Gia-tô. Khi nào Tử thần đã đánh giờ trưa, thì có mười hai thầy tông



Đồng hồ rỗng.

đồ đi qua dưới chân để chào Chúa, Tức thời Chúa làm dấu chữ thập, Trong khi các tông đồ diễn qua, một con gà cao cổ gáy ba lần *Cục cu cù! Cục cu cù! Cục cu cù!* Dân các thành-thị về đời Trung-cổ rất kiêu hãnh về các đồng hồ của họ, và họ giữ kín, họ ghen 'ty, không muốn cho nhà chế tạo đến nơi khác dựng đồng hồ như của họ, đến nỗi có những thợ đồng hồ bị họ đốt chết.

Sau đời Trung-cổ, người ta ít săn sóc đến phương dện dùng đồng hồ để làm đồ chơi, mà cố dùng khoa học để sửa chữa cho nó tinh xảo, để được đúng giờ hơn. Bởi đó, khi đã dùng quả lắc, người ta sáng chế ra cái máy chạy-đều, (*régulateur*). Rồi có cả kim chỉ giây. Đồng thời người ta thêm vào đồng hồ những cách vận động của tinh tú, mà ta thấy ở cái *ré-guy-la-to* trứ danh của điện véc-xây (1) nước Pháp.

Thuở ấy, sản xuất được nhiều thứ đồng hồ lắm. Nhưng có cái ngộ-nghĩnh hơn cả là cái đồng hồ của tở-phụ một ông nam tước (2). Đó là một cái đĩa bằng thiếc, xung quanh bờ có những vạch như cái mặt đồng hồ. Đổ đầy nước vào đĩa, đem thả một con rùa bằng nút-chai. Con rùa tự khắc đi tìm lấy giờ, rồi lấy mỏ

(1) Versailles.

(2) Barron Grollier de Servière

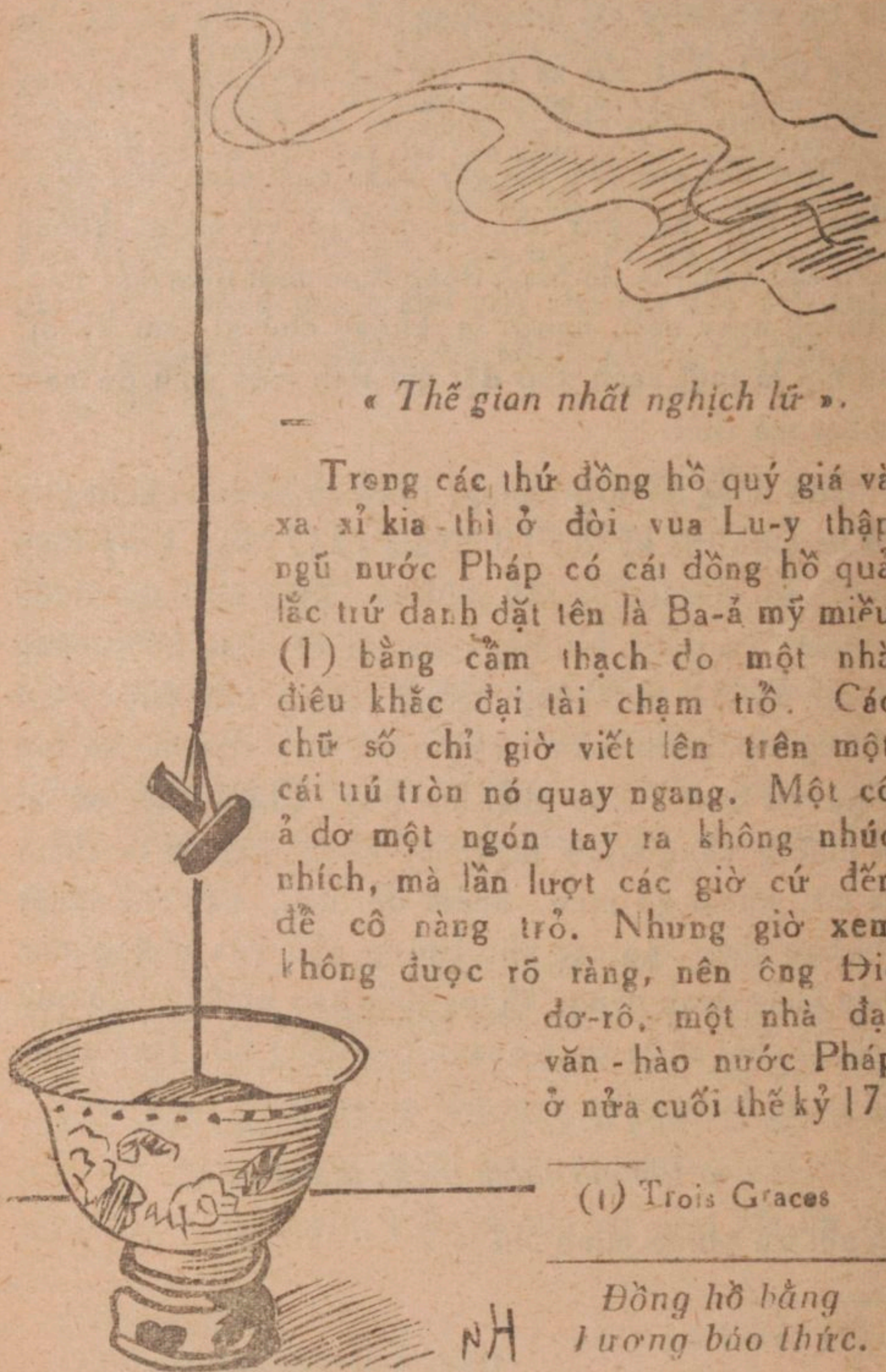
nó trở vào, như cái kim đồng hồ vậy. Nếu nó đã tìm thấy mà ta bắt rời xa ra, thì thế nào, nó cũng quay giờ lại cho đúng chỗ. Cứ để nó luôn trong đĩa nó sẽ lần lượt chỉ giờ này rồi giờ khác một cách đều đặn. Người thời bấy giờ cho là một cái kỳ-quan, không hiểu sao con rùa đã hành động theo một tiềm-lực nào. Nhưng ngày nay, người ta không cho gì làm kỳ dị, đó chỉ là một cách xếp đặt tài tình các mẫu đá nam châm mà thôi.

Còn đồng hồ hợp-chung (1) có nhiều điệu chuông thì có từ giữa thế kỷ thứ 18. Năm 1747, vua Lu-y thập ngũ trao cho hoàng hậu một cái đồng hồ hợp-chung có mười ba điệu. Những cái xa-xỉ về đồng hồ chuông ở thế kỷ 18 ta không tưởng tượng hết được. Có những cái hoàn toàn là kỳ-quan của cơ-khí, có thể chạy lâu năm không phải lên giây. Chẳng thế, nó lại là những công trình tuyệt-mỹ nữa. Người ta khảm xà cừ, khảm gỗ mun, khảm đồi mồi, bắt chỉ vàng, chỉ bạc ghép vào các pho tượng nhỏ của những nhà điêu khắc danh tiếng, không biết bao nhiêu là đồ quý hóa đã chất chứa xung quanh các đồng hồ, như từng đề trang hoàng cho đẹp mắt mong quên đi cái :

« Thì giờ thấm thoát trôi đi »

và nỗi ưu phiền mình chỉ là

(1) Carrillon



« Thế gian nhất nghịch lữ ».

Trong các thứ đồng hồ quý giá và xa xỉ kia thì ở đời vua Lu-y thập ngũ nước Pháp có cái đồng hồ quả lắc trứ danh đặt tên là Ba-ả mỹ miều (1) bằng cẩm thạch do một nhà điêu khắc đại tài chạm trổ. Các chữ số chỉ giờ viết lên trên một cái trù tròn nó quay ngang. Một cô ả dơ một ngón tay ra không nhúc nhích, mà lần lượt các giờ cứ đến để cô nàng trỏ. Nhưng giờ xem không được rõ ràng, nên ông Đidơ-rô, một nhà đại văn - hào nước Pháp ở nửa cuối thế kỷ 17,

(1) Trois Graces

Đồng hồ bằng
lương bảo thức.

NH

đồng thời với cụ Lê quý Đôn nước ta đã bình phẩm:

« Cái đồng hồ này chỉ mọi thứ, nhưng không chỉ giờ ».

Nhưng giá trị về mỹ-thuật của nó thì to lớn lắm, có người đã giả tới một triệu rưỡi tức là 15 vạn đồng bạc Đông dương mà chủ nó không bán. Năm 1900 ở một kỳ đấu xảo có hàng triệu người đến xem nó.

Bên cạnh những cái xa xỉ trên, nước Anh hồi ấy người ta chế ra một thứ đồng hồ hết sức giản dị. Bởi năm 1797 chính phủ Anh ra đạo luật đánh thuế đồng hồ, thứ bằng vàng phải 12 quan, các thứ khác thì 6 quan. Nhân dân đồ sô cất giấu hết đồng hồ, chỉ có ở các hàng cơm mới thấy, nhưng nó chỉ gồm có cái mặt bọc gỗ sơn đen, không kính và một cái thân để đựng quả lắc mà thôi. Ở các vùng nhà quê nước Anh ngày nay còn thấy có thứ đồng hồ ấy.

Sự giản dị và tiết kiệm như trên, thật là độc nhất trong lịch sử đồng hồ.

Đồng hồ quả quít

Đồng hồ quả quít thì phát minh cũng đã lâu lắm, đời vua Sác-lơ đệ ngũ nước Pháp, ngang đời Trần-

Dụ Tôn nước ta, giữa thế kỷ 13. Người ta đã có ý tưởng cuộn tròn một miếng thép mỏng lại. Miếng thép ấy tung ra dần dần, đun chảy các bánh xe quay ấy là cái lo-xo. Rồi cho vào hộp nhỏ. Thế là kết quả làm đồng hồ đã thành tựu. Thế kỷ thứ mười lăm đã có thứ đồng hồ quả quýt rất bé. Kế tiếp người ta khảm vào các đồ nữ trang, những cái đồng hồ rất nhỏ. Rồi cán ô, rồi vòng xuyên, rồi gương soi nhiều thứ lắm, người ta cũng để đồng hồ vào. Người Đức thì chế ra các hình chữ - thập đeo cổ có cả mặt đồng hồ. Thành Nuy - răm-be (1) làm những đồ chơi gọi là quả trứng Nuy - răm - be cũng có cả đồng hồ thêm vào.

Lại đến các kiểu đồng hồ nhỏ hình hạt đủ thứ. Thế kỷ

(1) Nuremberg



Đúng 60 phút 1 lão già
ra khua chuông.

mười tám thì đồ trang sức nào cũng có đồng hồ.

Cho đến ngày nay, đồng hồ lại lắm kiểu lạ, có thứ rơi xuống nước vẫn chạy, có thứ không phải lên dây, cứ đeo vào mình, là dây tự khắc lên lấy, có thứ dùng làm phong vũ chằm, hàn thử biểu nữa. Ai ai cũng có thể sắm được đồng hồ. Không cần phải ra chỗ công-cộng để xem giờ như ở thành La-mã ngày trước. Không cần phải giao thiệp với vua Hạ-luân để có cái đồng hồ nữa như thời Sác-lờ-ma !

Đồng hồ là vật rất thường lắm ! Người ta không chắt chứa vào nó các đồ quý-giá nữa. Người ta hiểu cuộc đời phức tạp ngày nay, cần đồng hồ như một thứ khí giới, chứ không phải để làm đồ chơi.

Mà ai là người Việt Nam có đồng hồ dùng trước nhất ?

Chúa Trịnh Tráng, con trai Trịnh Tùng là người Việt-Nam có đồng hồ dùng trước nhất. Số là năm 1624, giáo-sĩ Tràng tên tây là Alexandre de Rhodes người Pháp, sau khi đến giảng đạo ở Phú xuân và lập ra các giáo đường, cùng đặt chữ quốc ngữ, ông thấy cố Baldinoti giảng đạo ở Bắc kỳ bị đuổi ông bèn ra Bắc vào yết kiến Trịnh Tráng có đem dâng cái đồng hồ quả-lắc được phép chúa Trịnh cho giảng đạo ở kinh-đô. Thế là ông Tô chữ quốc ngữ đã cho ta cái lợi khí truyền bá tư tưởng lại còn là người thứ

nhất trao cho người Nam cái lợi khí đo thời gian một cách mau nhiệm nữa.

*
* *

Đồng hồ để đo lường thì giờ, nghĩa là để chia ngày đêm ra từng độ. Nhưng tại sao lại có ngày đêm ?

Theo quan-niệm của người Tàu, xưa, chép trong kinh Dịch, thì Thái-cực sinh lưỡng nghi tức là trời đất. Lúc lưỡng nghi chưa phân, thì thế giới hỗn độn như quả trứng gà. Lúc Bàn cổ ra đời mới chia âm dương trời đất. Khí trong nhẹ bốc lên cao làm trời, khí đục vẫn đọng lại làm đất. Mặt trời thuộc về khí dương tức là ban ngày. Mặt trăng thuộc về khí âm, tức là ban đêm. Còn người Âu-châu thì xưa kia cũng cho trời đất chẳng qua do một ông chúa tể đặt ra.



Đồng hồ rùa của Baron Grollier de Servière

Đó là Thần Duy-py-te, sau khi đánh bại kẻ thù làm chủ cả vũ-trụ vậy.

Nhưng sau Cô-péc-níc(1) nhà thiên văn học Ba-lan về giữa thế kỷ mười lăm, đầu đời nhà Mạc, xướng ra thuyết hành tinh quay trên mình nó và xung quanh mặt trời. Sau Ga-li-lê, (2) nhà toán học nước Ý; cùng chung ý kiến với Cô-péc-níc, cho mặt trời là trung tâm của vũ trụ, chứ không phải quả đất, quả đất là vi hành tinh, quay trên mình nó và xung quanh mặt trời, như các tinh tú khác, bị giáo đường kết tội, đến nỗi năm 1633 ông đã 70 tuổi, còn bị quỳ trước tòa án để cưỡng nhận rằng thuyết địa động là dị đoan.

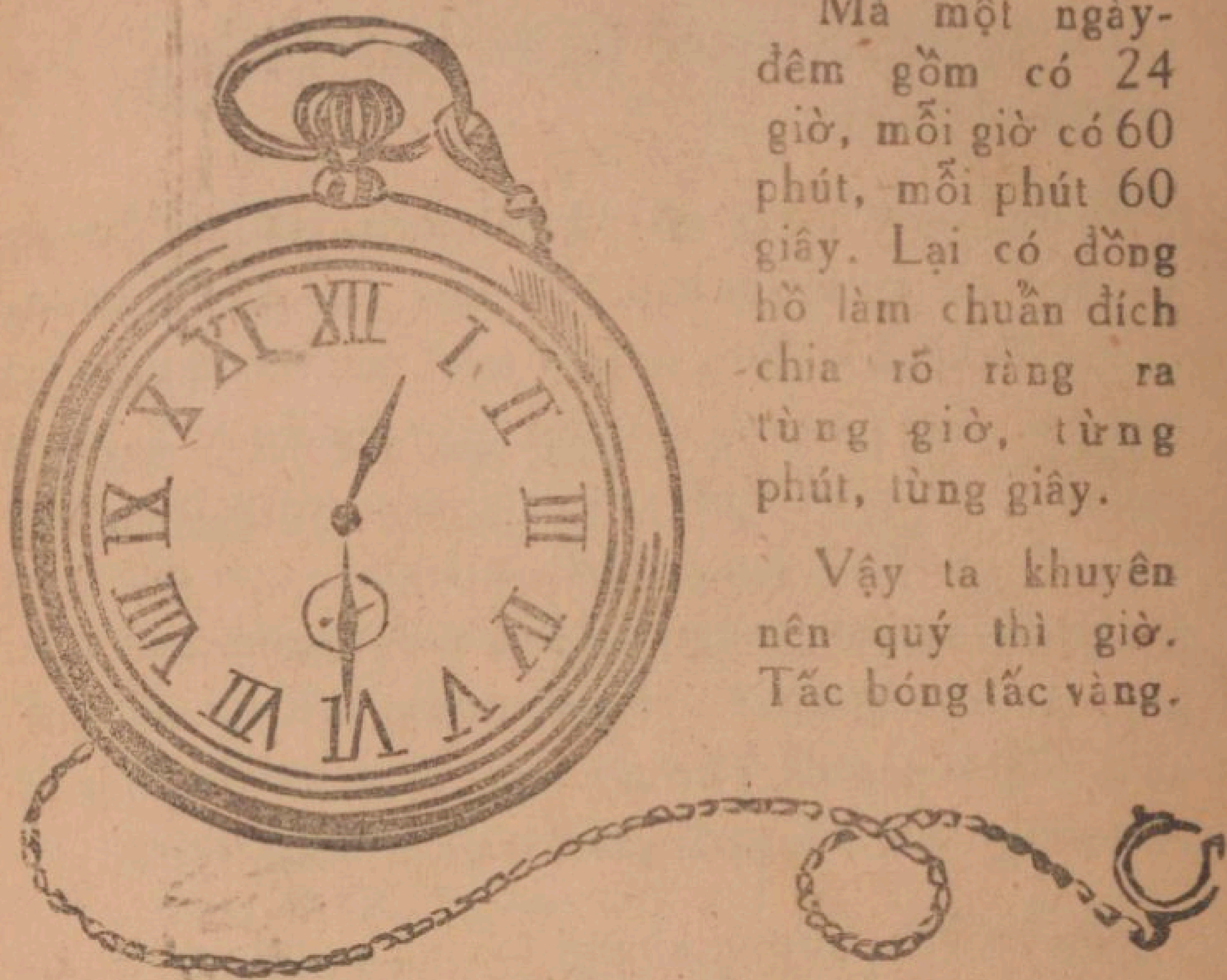
Nhưng giáo đường không thể dùng oai quyền che mắt người đời mãi được. Chân lý phải có ngày thắng.

Ngày nay thì thuyết địa động các trẻ em cũng đã hiểu, Họ đã cắt nghĩa được thế nào là ngày? thế nào là đêm?

Ngày là lúc quả đất xoay. phía hướng về mặt trời được nó soi sáng; đêm là phía ở bóng rợp. Quả đất xoay trên mình nó, một ngày một đêm thì được một vòng; còn xoay quanh mặt trời thì 365 ngày được một vòng.

(1) Copernic

(2) Galilée



Mà một ngày-đêm gồm có 24 giờ, mỗi giờ có 60 phút, mỗi phút 60 giây. Lại có đồng hồ làm chuẩn đích chia rõ ràng ra từng giờ, từng phút, từng giây.

Vậy ta khuyên nên quý thì giờ. Tắc bóng tắc vàng.

Đồng hồ quả quýt thế kỷ 15.

Các con chia thì giờ hàng ngày ra làm những việc hữu-ích. Các con kiên nhẫn, can đảm theo cho đúng những điều mình đã quyết định, thì việc gì làm cũng có kết quả mỹ mãn. Các con sẽ vui sướng, thỏa thích cho việc làm của mình. Các con sẽ được đền bù rất hậu. Một cái tương lai sán lạn sẽ chờ đợi các con. Các con sẽ là những phần tử cốt yếu của nhà, của nước, đem những tài năng lỗi-lạc, những sức lực tiềm tàng, những tinh hoa kết cấu, để điểm tô, để nâng cao địa vị của giống nòi, làm rạng rỡ vinh quang tiên tổ.

Còn trái lại, các con biếng lười, chỉ ham chơi, chỉ ăn chỉ mặc, làm gì cũng ngại, để tinh thần cô lộn, thì giờ lãng-phí, tưởng tuổi trẻ đợi chờ mình mãi, việc làm cứ để ngày mai, chả mấy chốc đầu xanh đã hóa bạc, không làm nên một việc gì hữu ích cho đời, chỉ sống bám vào kẻ khác để uổng phí một đời. Thì dẫu lúc ấy có hối cũng không sao kịp được nữa ! Mà nếu một người, muôn nghìn người như thế cả, thì còn chi là thanh danh giống nòi ! Còn chi là hy vọng của gia đình tổ quốc. Cái nguy nói sao cho xiết ! Cái tội ác lớn lao, kết án thế nào cho xứng !

*
*
*

Vậy nay ta đã nói các con biết lịch sử của đồng hồ là thế nào, cũng sự cần phải biết quý trọng thì giờ ra sao rồi, nay ta muốn các con nghe thêm để cùng ta kết thúc câu chuyện :

Về một thời đại rất xưa, ở xứ Nghệ, là một miền có nhiều núi rậm rừng sâu, sống một người tên là Hôe-Rú. Mồ côi cha mẹ rất sớm, gia đình lại bần bạch. Nhưng Rú có nhiều can đảm và phấn đấu, nên trung gian đã trở nên giàu có lớn.

Rú sinh hạ được ba con gái. Chủ tâm muốn các con biết siêng năng cần kiệm, giữ lấy cơ nghiệp vững vàng, thường nhật vẫn hết lòng dạy bảo các con mà

lòng vẫn chưa an-hài. Một hôm, có một ông đến bảo ông ta rằng : « Muốn con giữ cơ nghiệp thì có bao nhiêu vàng bạc hãy đem vào rừng mà chôn giấu đi. Chờ ngày tận số đến, gọi các con lại dặn chúng sau lúc tổng táng xong, nếu đứa con nào cứ mỗi buổi sáng, lúc tiếng gà đã gáy báo giờ tan canh, biết dậy ngay đi thẳng vào rừng đếm lấy mười gốc cây, bắt cứ về



Mọi người đều cười ồ lên.

loại nà^o, rồi hãy trở về nhà ăn cơm sáng. Chuyên cần và nhẫn nại như thế đến lúc mãn tang thì sẽ được báo mộng cho lấy các vàng bạc giấu trong rừng về làm của sở hữu ».

Hoe Rú làm đúng kế hoạch của đạo sỹ.

Hai con lớn làm theo lời cha dặn.

Sáng nào cũng dậy sớm vào rừng đếm cây, gập các thức hữu dụng lại nhặt mang về nhà, dùng không hết đem bán. Họ đã siêng năng dậy sớm cả nhà họ, nào vợ con, nào tôi tớ, ai lại còn làm biếng được ru ! Thì giờ của họ được lợi dụng, việc làm của họ được chu đáo, chưa hết tang cha, họ đã trở nên giàu có.

Người em út thì rất mực lười biếng, cả ngày không làm được việc gì, đã coi thường lời cha trời lại, mà lại thấy hai anh giàu có đem lòng ghen ghét, mới đi tìm người đạo sỹ hỏi kế lược để thu hết vàng bạc của cha giấu trong rừng, để giàu có hơn hai anh. Một đêm va đi theo đạo sỹ vào rừng, được đạo sỹ trở cho một cái hang chứa vô vàn vàng bạc. Đạo sỹ bảo tùy sức mang được bao nhiêu thì mang. Va cố hết sức nhặt lấy rất nhiều, mong mang về để được chóng giàu có lớn hơn hai anh.

Sáng sớm hôm sau, ngủ dậy thật sớm, đốc thúc vợ con đi mời hai anh và chúng bạn đến chực chờ khoe

của. Nhưng than ôi ! Lúc khách đã an tọa, va kiêu hãnh tưởng mang vàng bạc ra khoe, làm cho họ phải sợ về sự phú hữu của mình, thì không ai bảo ai, mọi người đều cười ồ-lên, vì thấy có vàng, bạc gì đâu, chỉ thấy toàn là một túi đá cuội.

Va sấu hổ quá, phải uất lên mà chết.

Vợ con va kêu khóc thảm thiết. Đạo sỹ nghe tin, đem lòng thương hại, đến dùng phép lạ cho va sống lại. Từ đây va rất chăm chỉ cần mẫn, lo việc gì cũng chu đáo, thì giờ không để phí giây phút nào. Chẳng bao lâu va thành giàu có hơn cả hai anh, được người đương thời khen ngợi.

HỮU - MAI

● Nhà sách NGUYỄN KHÁNH ĐÀM 12 phố Sabourain Saigon nhận đóng sách kể từ nay. Các bạn đọc Truyền Bà đưa Truyền Bà lại đóng bìa carton sẽ được tính giá đặc biệt.

PHU TRU'ONG TRUYEN BA

ÔNG THẮNG VIỆT

TIÊU-THUYẾT DÀI CỦA LÊ VĂN-TRƯỜNG

(Xem từ số 82)

Chương thứ bảy

Ông đưa Việt Nam đến chơi nhà bác phó, bác xã, đến chơi khắp những nhà danh-giá trong làng. Đến đâu, Việt và Nam cũng được người ta yêu-mến. Có một vài thằng oắt con và mấy con ranh con nó lêu lêu, lẽ lẽ. Tuy thế, nhưng một khi Nam mách ông, ông dơ gậy lên hét sao chúng mày dám chể chấu tao? Thì bọn nó lại chạy bán sống bán chết. Ông hình như thích đem khoe hai cháu ông với họ hàng với người làng, người nước.

Trong cái dáng đi của ông, bây giờ hình như có một cái gì lạnh lện, trong tiếng cười, pha vào một cái gì dòn dã trông tiếng nói, một cái gì ấm cúng. Chẳng thế mà người làng nhiều lần bảo ông ;

Gớm, cụ độ này hình như trẻ ra, ông chỉ cười. Ông đồ cho tại tiết xuân, nhưng nào ông có giấu ai được. Người ta chưa biết rằng ông vui vẻ vì có cháu ông luôn luôn ở bên cạnh.

Trước kia, cứ sáng, trưa, chiều là ông săn sóc đến

vườn cảnh và mấy chậu lan nhưng mấy hôm nay, không. Có lẽ vì tại tết ông bận dọn khách khứa? Nhưng không phải, bố Chi bảo mỗi năm, trong ba ngày Tết, ông săn sóc cây cảnh hơn nửa ngày. Thôi phải rồi, tại thằng Nam, thằng Việt không cho ông rồi một chút thì giờ nào để nghĩ đến cây, đến hoa. Bố Chi có muốn sửa sang gì hỏi ông thì ông chỉ nói suôi:

— Bố đã biết mọi lần tôi làm thế nào bây giờ cứ thế mà làm.

Ông chả ngó-ngàng gì tới vườn cây cả hay là ông chỉ ngó-ngàng đến khi nào các cháu ông ngó-ngàng tới. Lúc ấy thì ông hết sức làm cho các cháu ông nhìn thấy cái đẹp của vườn cảnh ông và chia cái sở-thích của ông. Ông nói cho chúng nó nghe cái công phu của ông uốn cây hồng, từ khi nó còn nhỏ tí cho tới khi nó thành cái đỉnh to lù lù, ông tả cho biết những mảnh-khéc để nắn cây lộc-vừng thành con hạc. Ông muốn nói, nói nhiều, nói sự bón lan, tỉa lan, nhưng chúng nó chỉ ba câu là phá ngang, là kéo ông đứng dậy. Chúng nó chưa thích cái thú ấy. Ông thở dài, nhưng ông phải nghe theo. Mẹ chúng nó, bây giờ thì ông quý lắm, bắt mẹ Chi đun nước nóng cho mẹ rửa chân, và nếu mẹ có xuống bếp thì ông lại ngầy ngà:

— Con xuống dưới ấy làm gì cho nó nóng, để cho chúng nó làm được rồi.

Mẹ chỉ vâng vâng, dạ dạ, rồi mẹ cứ ở lì ở dưới bếp vì mẹ muốn có những món ngon để ông nhắm rượu.

Ông đưa mẹ đi xem vườn rồi đi xem kho thóc, ông đưa mẹ đi xem chuồng trâu có còn nghe ngọ nó nghe o... o... o nghe thích quá, ông giắt Việt và Nam đi xem

ruộng của ông ; lúa xanh mơn mớn mà mỗi một cái gió lại làm gợn lại những sóng liếc dịp dàng.

Thắng Nam thì đâm hư thật-tình rồi. Nó quát, nó tháo, nó hò hét như ông tướng. Ai trái ý nó một tí là nó đánh. Nó đánh bồ Chi, nó đánh mục Chi, nó đánh các con bác phó, bác xã, nó đánh trẻ con trong làng, nó đánh cả Việt nữa, nhưng Việt vì biết ông cứng nó, nên đành phải nuốt giận. Ấy thế rồi được thế nó làm già, rồi một buổi trưa, không biết mợ nói gì nó, nó ục cả mợ, ục mợ trước mặt ông.

Mợ quát bồ Chi lấy roi, rồi mợ bảo nó nằm. Nó chạy vào lòng ông cầu-cứu, nhưng cái tội của nó to quá ông cũng không thể bênh được nữa. Ông phải đành để cho Việt kéo nó ra, dẫn nó xuống cho mợ đánh. Mợ kể các tội, rồi mợ nhất định đánh năm roi. Ông xin mãi, mợ hạ xuống ba, ông vẫn còn xin, mợ buộc lòng phải hạ xuống một.

Lúc nó được tha, ông dơ tay ra bế nó, nó hất tay ông ra.

— Ông để mợ đánh Nam rồi, Nam không chơi với ông nữa.

Ông cười, nhưng nó không cười. Nó tuột xuống đất ra ngồi một mình ở tràng-kỷ, nó không chơi với ông thật-tình. Ông hoảng-sợ, ông cho nó đủ thứ nó cũng không lấy, sau ông phải buộc lòng hạ mâm ngũ quả, cho nó quả phật-thủ vàng lòn mà nó thích đã mấy hôm nay, nó mới bằng lòng che ông bế :

— Ừ thế thôi, chơi với ông vậy.

Mợ thấy thế, bức lắm, nhưng biết làm thế nào, mợ chỉ bảo Việt :

— Ông chiều nó quá thì nó hư. Con đừng có bắt trước nó nghe không?

Nó bé, nó dại, nó mới thế. Chứ Việt, việt khôn, đời nào Việt lại thế. Việt càng thấy ông thương, ông chiều, Việt lại càng yêu, càng quý ông, càng giữ gìn không làm một điều gì thái quá.

Nếu không phải vì Việt thấy ông chiều quá mà Việt sợ ông, thì nhất-định thế nào Việt cũng phải cầu cho kỳ được có cá vàng ở trong bể cá của ông để đem thả vào cái hồ mà Việt mới đào xong ở sau chuồng trâu.

Chung quanh hồ, chưa có gì cả, chỉ mới lưa thưa mấy cây mào gà giống ở bờ và ít bèo dậu thả ở trên. Thế nào Việt cũng phải khởi công đào một con sông thông ra tới bờ ao và làm một cái nhà thủy tạ. Nhưng đào sông thì phải rạch luống hồng của ông, mà làm nhà thủy tạ thì phải vắn mấy cái đình ở trên bờ của ông. Vì Việt sợ ông lầm-tưởng ông yên, Việt hốt, nên Việt còn ngần-ngừ chưa dám. Vả lại, ông luôn luôn nói, Việt đã nhớn rồi, hết bè này lên lớp nhất rồi, Việt nghịch những cái trẻ con như thế, sợ ông cười là có học giỏi mà không biết điều.

Việt muốn là đứa cháu biết điều, nên Việt không thể bắt trước thằng Nam bắt ông vuốt râu cho nó xem. Hay rặt râu ông trong khi ông mãi nói chuyện với mẹ, hay chưa kịp gấp cho nó những món mà nó đòi.

Nó thật làm ông đủ tình đủ tội. Cái tráp của ông có bao nhiêu giấy má bây giờ là chỗ để đồ chơi của nó. Nó để bi, nó để ảnh. Có một lần nó đem đồ cả vào đấy

(Kệ sau sẽ tiếp)

Khách văn chương tao nhã nên đọc và nên cổ động nhiều người đọc **TIỂU THUYẾT THỨ BẢY** có khảo cứu, xã luận và nhiều truyện thật hay.

HÁI MẪY CÁNH HOA THƠM

● Sự lễ phép là cái hoa của loài người, ai không được lễ phép, tức là người ấy chưa được hẳn là người. (Jouffroy)

● Luân lý là cái cây mà rễ thì ở trên trời, còn hoa và quả thì ướp lấy đất cho thơm. (Lamennais)

● Không bao giờ ta nên tự khoe mình tốt hay xấu, người nào tự khoe là kiêu ngạo mà kẻ nào tự hạ mình xuống là kẻ ấy hèn. (Aristote)

● Chân không phải là mắt, mà mắt cũng chẳng phải là chân, nhưng hai thứ đó cũng thuộc về thân thể mình hề ta làm hỏng cái nọ tức là làm hỏng cái kia. (Saint-Paul)

ĐỨC THÌN

ĐỀ ĐẾN NGÀY MAI

« Ngày mai, ta phải cấy ruộng, nếu ta đợi chờ lâu, ta e lúa của ta không chín sớm được », bác nông phu Thuần lẩm-bẩm.

Mai đến, vừamới tinh sương, bác Thuần đã ra đồng. nhưng một người bạn đã đến mời bác đi ăn tiệc. Sau vài phút lưỡng lự, bác bỏ cả trâu lẫn cày, và đi theo người bạn. Chiều về, bác lên cơn sốt vì đã ăn uống quá nhiều. Một quá bác phải ở nhà luôn ngày mai.

Bác thì thầm : « Mai đây, thế nào ta cũng phải làm nhanh lên cho kịp ».

Suốt cả ngày mai, mưa rơi không ngớt, đồng ruộng đều ngập cả nước. Bởi vậy bác phải ở nhà.

Ngày hôm sau tốt trời, nhưng bác Thuần không ra đồng được bởi vì con trâu bị ốm

Ngày hôm sau, hôm sau nữa là ngày lễ, ngày giỗ, và những ngày liên tiếp, biết bao nhiêu điều đã xảy đến cho bác, nên bác phải ở nhà đề lo liệu.

Khi đã làm tròn phận-sự, bác Thuần mới ra đồng thì mùa cấy đã xong ; bác không gặt hái được gì cả.

Ngạn ngữ Tây-Pbương : « Ne remettons jamais à demain, ce que nous pouvons faire aujourd'hui. »

(BLANCHARD) NGUYỄN VĂN-THẢO

ĐỒNG VÀNG VÔ CHỦ

Có ba thằng kẻ cướp,
Cùng nhau đã thề ước !
Của kiếm được tiêu chung
Chốn sơn-lâm tụ-hợp.

Ngày nọ khách đi ngang
Có mang theo bạc vàng
Chúng đón đường giết chết
Đem của cải vào hang

Sẵn tiền chúng định bày,
Làm bữa tiệc no say,
Sau một hồi bàn tán,
Một thằng đi chợ ngay

Thằng này sẵn lòng tham
Muốn chiếm trọn bạc vàng
Mới bày mưu : đem trộn,
Thuốc độc vào đồ ăn

Hai đứa ở lại hang,
Thằng khỏe cũng vì tham
Đã manh tâm giết bạn,
Nhưng lòng vẫn chưa an.

Thằng kia vừa về chợ
Bị nó núp trong cỏ.
Đám một nhát vào hông,
Chết ngay không kịp thở!

Nó khắp-khởi mừng thầm
Phen này sẵn tiền trăm !
Tha-hồ vung quá trán
Cho sung sướng tẩm-thân

Nhưng nào đâu như ước!
Sẵn thức ăn tẩm thuốc
Gà ăn phải chết tươi.
Vàng kia không kẻ rước !

Ai ơi ! Chớ tham lam !
Của phi nghĩa chớ màng,
Miễn làm ăn chân-thực
Mới có thể giàu sang.

MINH-CHÂU

TỰ DO

Một tác-giả người Anh kể truyện rằng : một hôm có một người ngoại-quốc đi qua cầu ở tỉnh thành Luân-ăôn (Londres) để hóng mát.

Bỗng nhiên, người ấy trông thấy hai đứa trẻ đứng từ vào bao lan cầu, một đứa cầm ở tay một cái lồng chim nhỏ trong có năm con chim đang dẫy dụa. Những con chim ấy xòe cánh ra để bay thử ; nhưng khi bay lên thì lại chạm phải nan lồng và kêu rất ai oán, thảm thương vô cùng.

Người ngoại-quốc trông thấy thế, vẻ mặt sa sầm lại, có ý thương thay cho những chim khốn nạn.

Lặng im một phút, người ấy hỏi đứa cầm cái lồng rằng :

« Em muốn bán bao nhiêu tiền một con chim ? Đắt bao nhiêu tôi cũng mua ».

Hai đứa trẻ ấy bàn thầm với nhau và định bán cho người ngoại quốc đắt hơn người trong nước.

Một đứa nói :

« Như bán cho người nước Anh thì 12 xu, nhưng ông này là người ngoại-quốc thì phải bán mỗi con ba hào ».

Chúng nó bàn mưu khế với nhau, rồi nói to để đáp lại người ấy :

« Thưa ông, ba hào ạ ! »

Người ấy không mặc cả, lấy ba hào ở trong ví ra đưa cho đứa trẻ và mở lồng bắt một con chim. Người ấy vuốt ve con chim một lát, rồi tung lên cho nó bay mà nói rằng :

« Đi đi !... »

Người ấy nhìn chim bay lên trên không thì lấy làm vui thích lắm.

Thả xong người ấy lại lấy ba hào và bắt con chim thứ hai. Rồi người ấy làm như lần trước. Dần dần đến con thứ ba, thứ tư và thứ năm.

Hai đứa trẻ nhìn người ấy một cách ngạc nhiên và hỏi :

« Thưa ông tại sao ông mua những con chim ấy bằng một giá đắt như vậy, mà ông không giữ lại để nuôi ? »

Người ấy đáp lại :

« Trong tám năm nay, tôi bị dốt trong ngục tối vì oan uổng. Những đêm tối không có khí-giờ mát và lành, tôi rên-rĩ mà không có một ai thấu nỗi oan cho tôi. Tôi ở nước Ý sang đây. Những con chim ấy là những sinh-vật đầu tiên mà tôi muốn cho chúng sự tự-do. Tôi rất muốn chúng được sung sướng... »

Nghe nói thế, hai đứa trẻ ứa nước mắt khóc. Và muốn chuộc lỗi, chúng nó trả lại người ngoại-quốc số tiền mà chúng nó đã bán với một giá quá cao.

ĐỒ BÍCH-LAN

VÔ ÓC

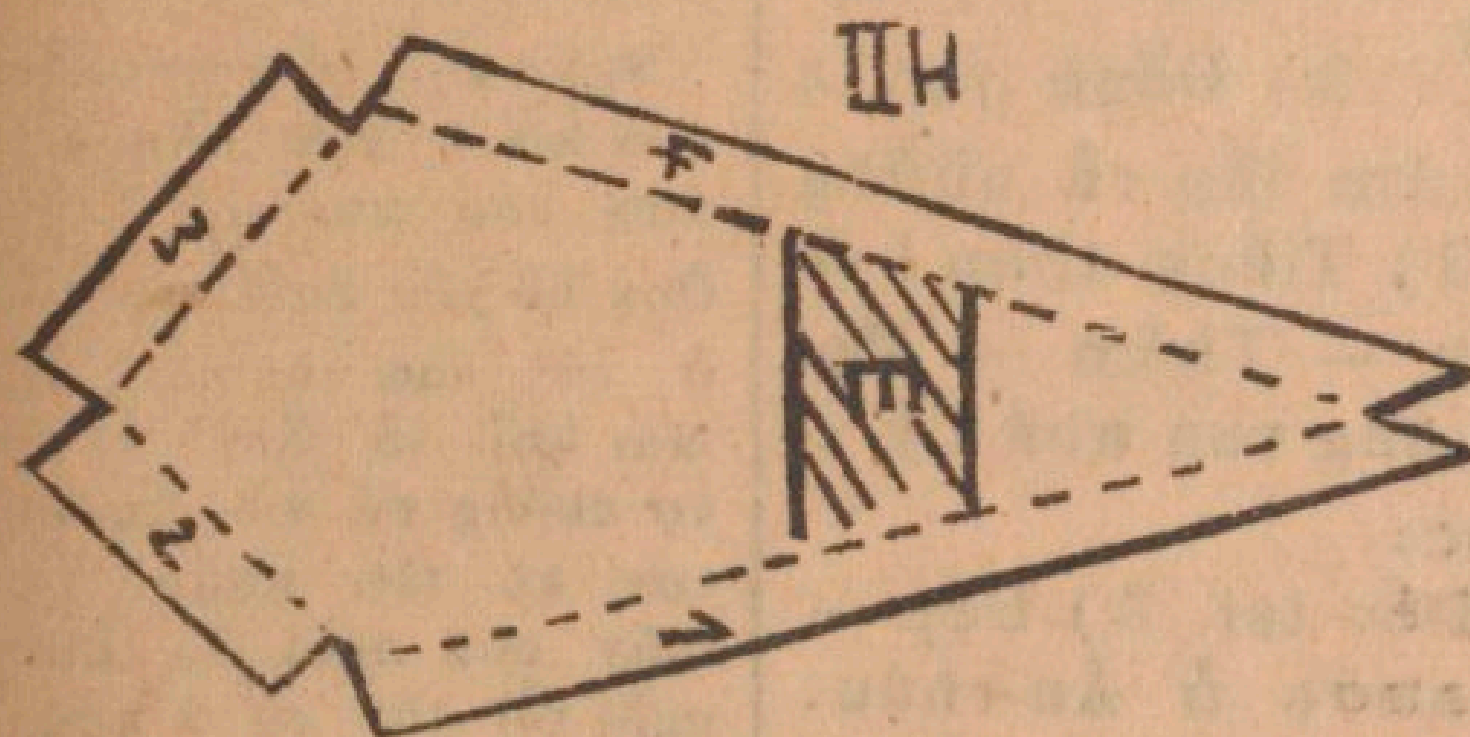
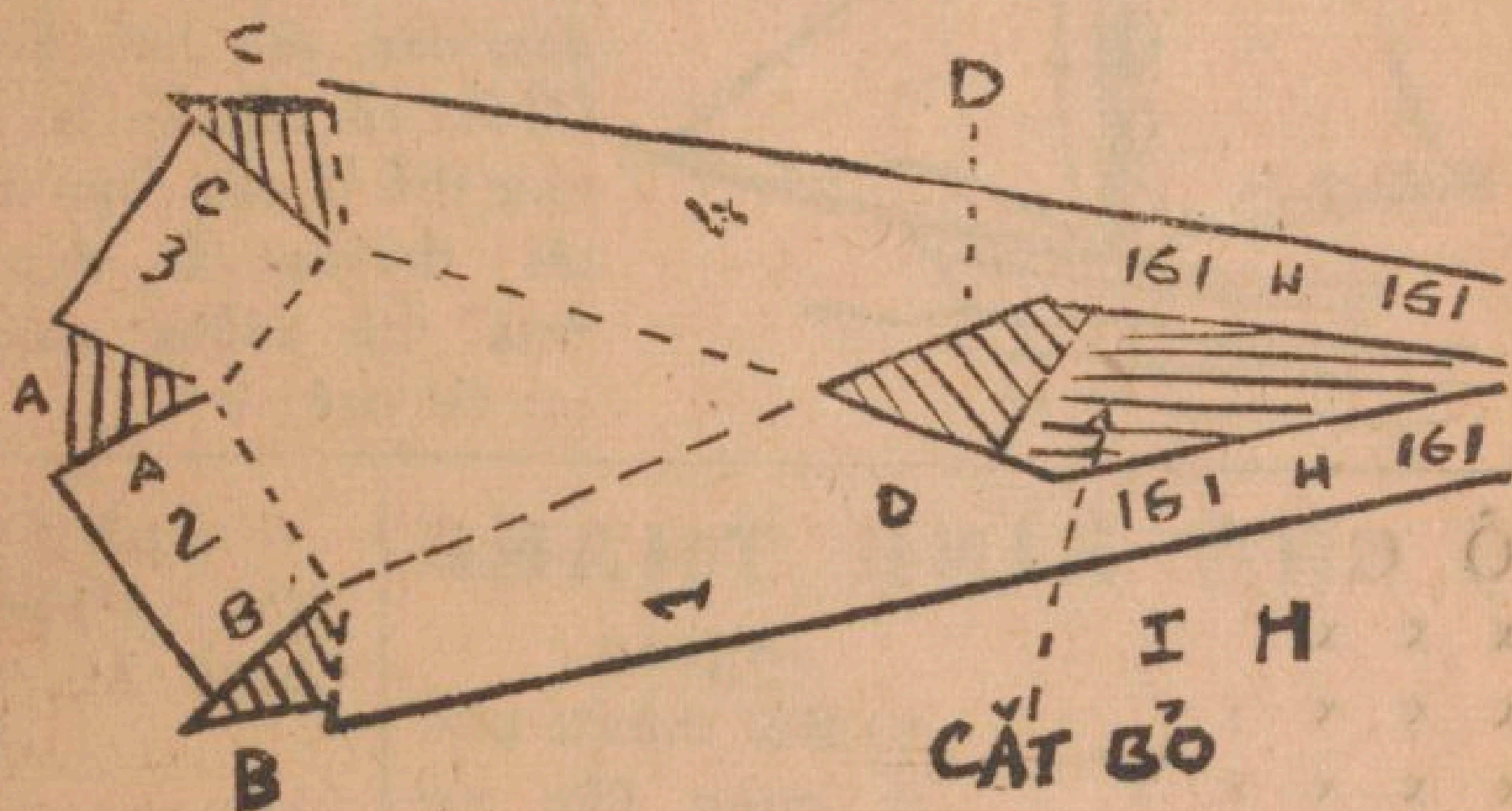
Sáu anh em bạn đi xem chiếu bóng ngồi một hàng 6 ghế cạnh nhau : Ban cạnh Chính nhưng Dần không cạnh Ban. Ân cách Ban một

ghế và Hạnh cạnh Ân nhưng không cạnh Dần. Còn Khánh và Ân ngồi cách nhau hai ghế. Vậy họ ngồi như thế nào ?
(xem trả lời trang 38)

THỦ CÔNG TRUYỀN BÁ

CÁI THUYỀN BUỒM

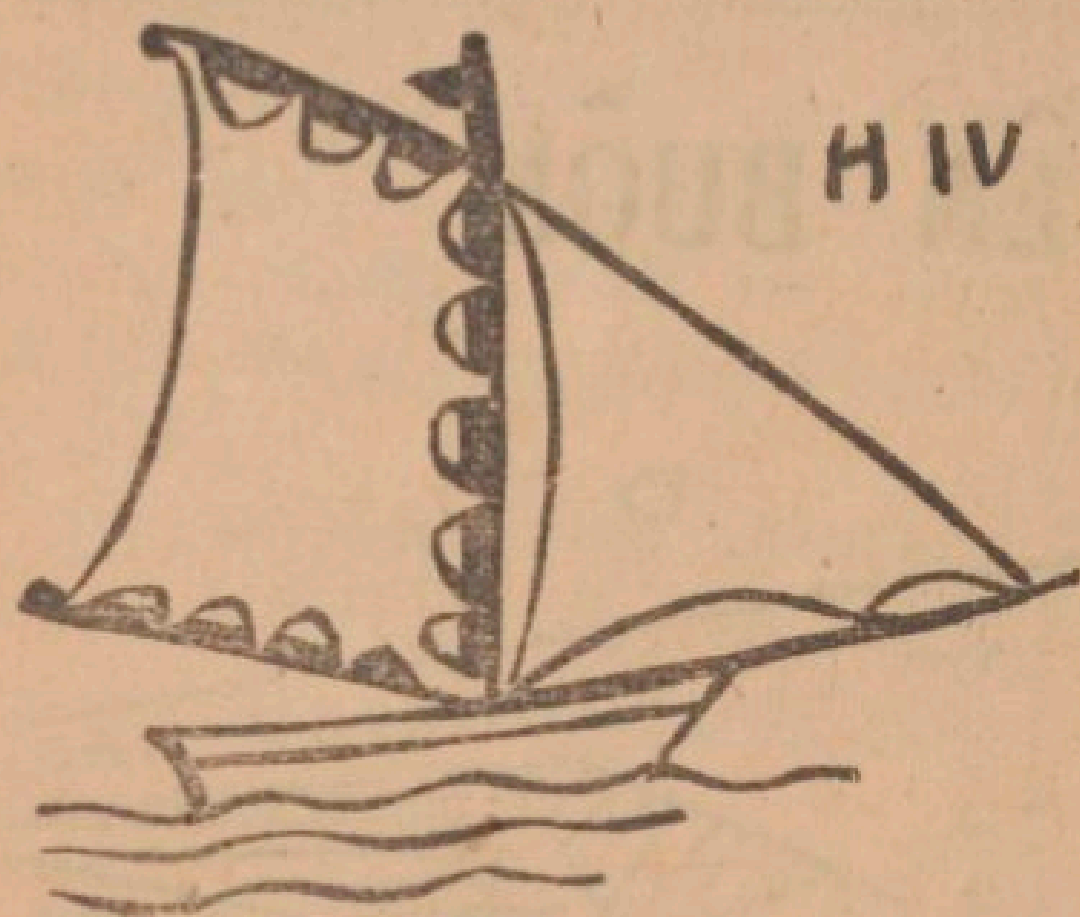
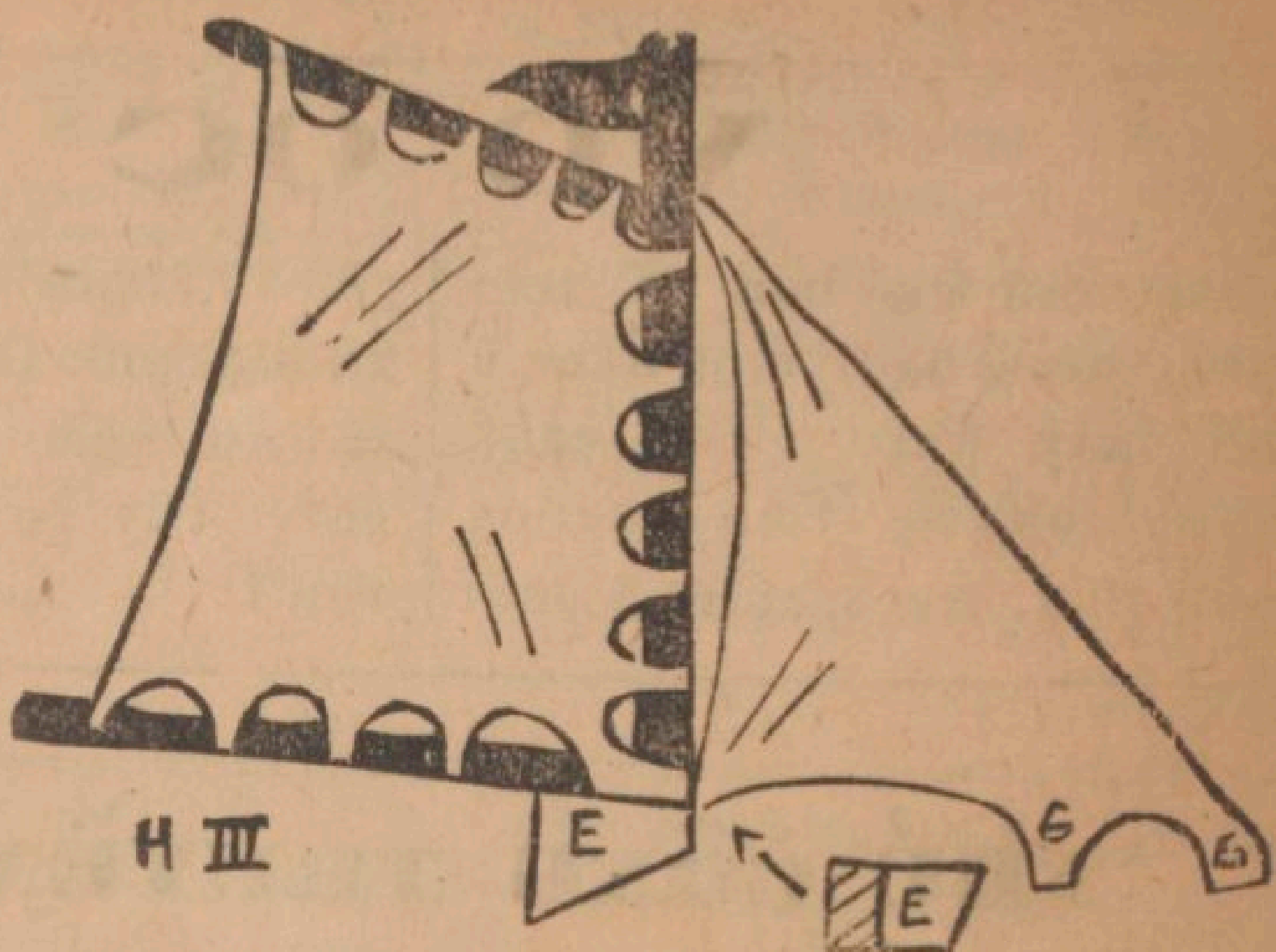
Các bạn đem dán tất cả các hình vẽ trên đây vào một tờ bìa cứng lấy kéo cắt bỏ rẻo xung quanh đi



và do những đường kẻ cắt thẳng đến chỗ có dấu x và chữ (cắt bỏ) hình 1 đoạn trông những đường chấm mà gấp trở lên rồi A dán vào A, B dán vào B, C vào C, D vào

D, để làm cốt đáy thuyền các bạn đem hình II, do đường vạch đoạn dài gấp xuống rồi trông các số 1, 2, 3, 4 phết hồ vào các

mép ấy và dán
lọt vào đáy
thuyền (cũng có
dấu số) để làm
sàn thuyền song
cắt khoét những
chỗ vành trắng
áp vào cột buồm
và hai cái trục
cho trống ra,
cắt thêm mấy
miếng giấy ở
hình (chữ E)
dán áp vào chân



cột thuyền buồm bên kia để
sau bề gấp choàng ra hai bên
và dán lên sàn thuyền (chỗ vạch
chéo chữ E) cho vững. Còn nửa
cánh buồm phía dưới có chữ G
đem dán vào hai thỏi chữ H
(IHI) rồi dán áp lại cho chặt.
như thế là các bạn đã có một
cái thuyền rất đẹp. (HIV)
đem thả xuống nước được,
coi rất ngộ. SA-CÙ

Ô CHỮ HÌNH THANG

x x x

x x x x

x x x x x

x x x x x x

x x x x x x x

Ngang :

1) Một thành phố
ở miền Bắc xứ
Trung-kỳ.

2) Đồng nghĩa

với chữ thích — Làm lấp cả những
tiếng động nhỏ. 3) Tiếng than ! —
Không cao. 4) Giận — Thêm — Mẹ.
5) Sông — Tên một ông vua nhà Lý.

Đọc:

1) Vua. 2) Đến điếc tai. 3) Đẹp —
Ma. 4) Tên một nước ở Âu-châu.
5) Nghèo. — 6) Kém thông minh.
7) Không được tươi tốt. 8) Một chữ.
(xem trả lời trang 39)

Gia nhời võ óc :

Dần, Khánb, Ban,
Chỉnh, Ân, Hạmb.

KHẢI-THUY

CHỮ HIẾU

Ngày xưa có 2 vợ chồng
nhà kia ở với bố già và
đứa con trai lên 7 tuổi.
Ông bố yếu đuối, lắm cảm
ở với con và dâu, lấy
làm khổ sở lắm : vì hai
vợ chồng nó xử với ông
cực kỳ tàn nhẫn. Con
thấy cha ngồi ăn đứng
ngồi rồi thì có ý không
bằng lòng. Con dâu thấy
bố chồng thế cũng ra
ngắm vào nguyệt.

Ông ta ăn cơm, cầm bát không vững nên hay đánh rơi vãi ra ngoài, nhiều khi chúng đề riêng ông ngồi một xó.

Một hôm ông ta nhớ buột tay đánh rơi vỡ bát cơm. Người con bực mình lắm bèn đi mua một cái bát gỗ về cho cha ăn.

Tuổi còn trẻ dại, đứa bé thấy vậy tưởng rằng hễ ai trở về già thì phải ăn cơm bằng bát gỗ như lúc còn trẻ con. Tối đến nó ngồi gần đèn, lấy một miếng gỗ và một con dao đem ra gọt gọt dẻo dẻo. Cha nó hỏi :

— Thằng kia chơi nghịch gì thế ?

Nó đáp rất tự nhiên :

— Thưa cha, con làm cái bát gỗ dành sau này khi cha trở về già để cha ăn cơm ».

Người cha thấy con nói thế cảm-động hồi nghĩ lại ngay. Hôm sau lại mời cha ngồi ăn cùng mâm với cả nhà và trông nom nuôi nấng rất là ân cần tử tế cho đến khi ông cụ mất.

ĐÀO HANH NGUYỄN

TIN TỨC T. B.

Các bạn Trần Ngọc Bảo, Đỗ Rich Lan, Đặng Trung, Bài Siết Ng. v. Toàn, Vũ hữu Bình, Ng. văn Thảo, Minh Châu, Hoàng nghĩa Mai, I hanh Vĩ, J. Thọ, Bá Phúc, Ng. văn Kiêm (Cầm giàng) Vệ Trang, Ng. Oanh, Trần tất Thắng, Đg. xương Bông, Trần trọng Mạnh, Ngọc Long, Văn Sinh, Trần trung Thu. M V K. Câu Huyền. — Đã nhận được. Cảm ơn. Không đăng không trả lại bản thảo. Riêng bạn N. đh Tư, đã gửi báo biểu

Bạn Văn Vịnh. — Ngụ ngôn theo ý tây. Đồ trống quân, hay ; nhưng nên đồ những cái thực lạ.

Các bạn Tử Hùng Nguyễn văn Đức, Mậu Thìn, Câu Huyền, Nghiêm Hồ, Thịnh Văn Xuân Kiều, Xuân Thành, Bích Phương và Bạch Hường, Ngọc Minh Kim Trảo, Hoàng Toutou, Phan Lắc, Nhà Quê, Ngọc Liên, Nguyễn Dương, Phan đặc Châu, Long Giang, Lê Dung, Đào Hiệu, Ng. v. Sơn, Tùng Châu, Anh Phổ, Thu Hoa, Câu Huyền.

Cảm ơn. Sẽ đăng. Những bài không thể đăng được sẽ không nói tại sao.

GIẢI LỜI Ô CHỮ

Ngang

1) Vinh. 2) Ung — Át. 3) Ô hô — Lùn. 4) Nộ — Tăng — U, 5) Giang — Dẫu.

Dọc

1) Vương. 2) Inh ỏi. 3) Ngô — Tà. 4) Hà lan. 5) Tung. 6) Ngu. 7) Ua. 8) N.

CÔ THÉRÈSE

DẦU ĐẠI-QUANG

Trừ phong, giải cảm, phong ngứa sưng hàn, ngăn ngừa mưa nắng, khi đi đường xa, hoặc lúc ở nhà, có sẵn một lọ dầu Đại-Quang trong mình, sẽ tránh khỏi các chứng bệnh vặt xảy đến bất kỳ. Dầu Đại-Quang là một món vật báu để hộ thân, rất có công hiệu.

Xin nhớ nhãn con Bướm

hiện Đại-Quang mới là Dầu thật chính hiện.

23, Phố hàng Ngang, Hanoi, giấy nói 805

Nhi đồng họa bản

tuần báo giáo dục ra ngày thứ bảy

Lưum láa vàng xuất bản phát hành

Mỗi kỳ một truyện cổ tích giáo dục của những cây bút trứ danh : Khái Hưng, Huyền Kiêu, Nguyễn Xuân Huy, Nguyễn Minh, Nguyễn Lương Ngọc, Hà Quân và nhiều nhà văn, nhà giáo trong nước.

Một vài kỳ, có biểu phụ trương bản âm nhạc cổ điển Việt Nam hoặc ngoại quốc do nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát sưu tập.

Ngoài những số đặc biệt hàng năm : Nguyên Đán, Trung Thu, Nghỉ Hè, Khai trường, mỗi tháng một số đầy trang gấp đôi : Danh nhân tiền sử, lịch sử, Khoa học, mạo hiểm.

Số thường : 32 trang bla đầy : Giá 0\$20

Số đặc biệt : từ 0\$50 đến 0\$10

Cần nhiều đại lý. Mua năm trước nhiều quyền lợi.

Số 31, ra ngày 24 Juillet 1948

Sóng bẻ thân phù

truyện người bơi thi với con vua Long vương

HUYỀN KIÊU KỂ

thư từ ngân phiếu đề lên :

Ông HÀ VĂN THỰC, 49 Tientsin Hanoi